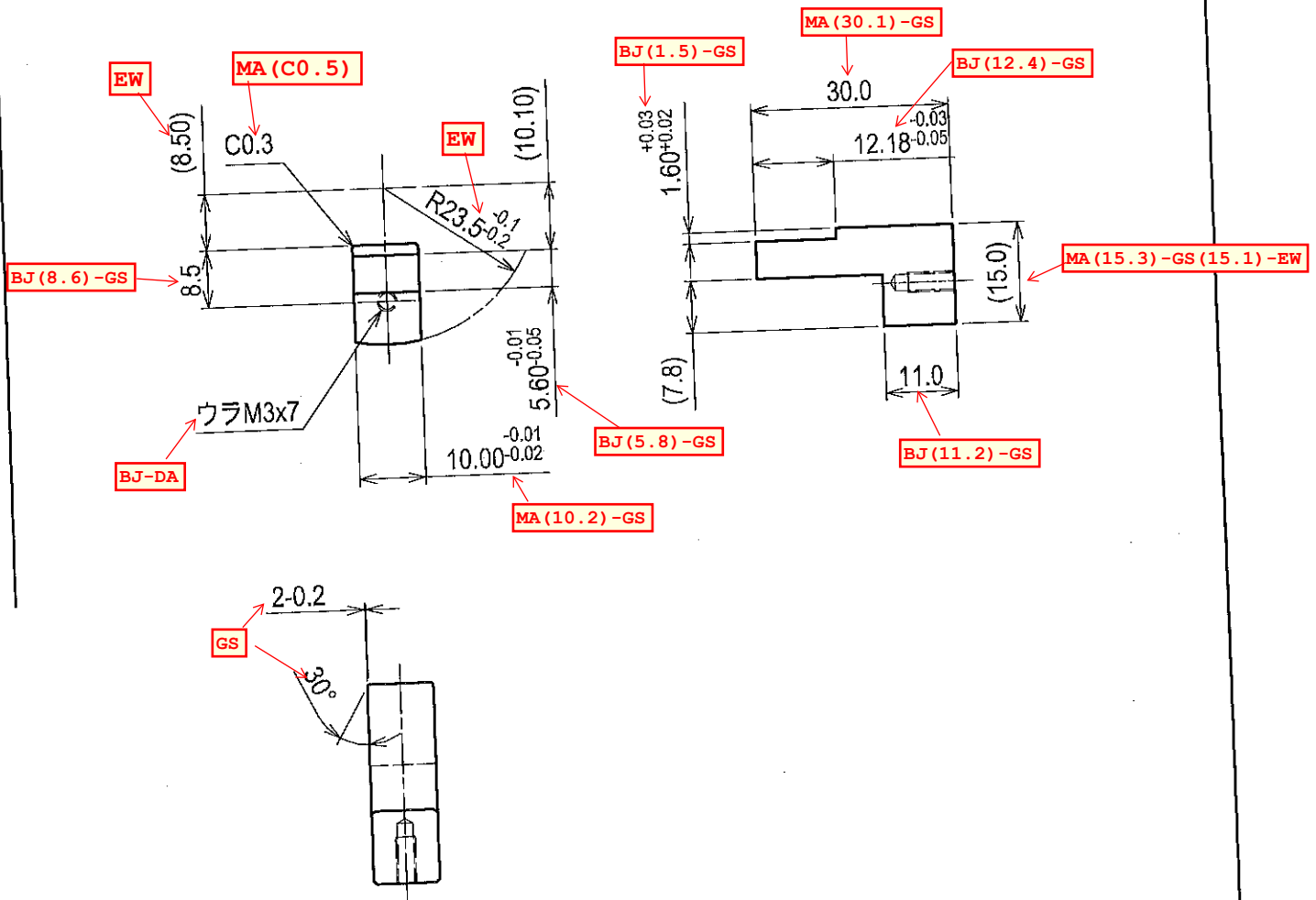


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2012/05/11			K.Hihara	Y.Takahashi	0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0
△						0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005
△						0.00	± 0.01	0.00 +0	+0
△						0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01
△						0.	± 0.2	0.0 +0	-0
								0.0 -0	+0.1
									-0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED									
FINISH MARKS									
G ▽▽ (▽▽)									



20
40
40
10
1
90
40

DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
K.Hihara	Y.Takahashi	部品図 PART DRAWING	位置決めキー POSITIONING KEY
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図	定位鍵
HRC 60° ~ 62°		部品図	定位鍵
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
SKD11	2012/05/11	1:1	S862146

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

414 208 0181

T13 x 40 x 25

SNO: **S862146**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 T13*20*35	AA:20 MA:25 BJ:30 DA:10 HT:40 GS:60 EW:30 AF:10 KT